

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/DS-PT

Ngày 04 tháng 4 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài
sản bị xâm phạm*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và ông Trương Văn Hai.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Huỳnh Văn Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 3 năm 2024 và ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đặng Vũ K, sinh năm 1975;

1.2. Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1981;

Cùng đăng ký thường trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thái B, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ A, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

2.2. Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; đăng ký thường trú và chỗ ở: Số E, đường B, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023), có mặt

3. Người kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn: Ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T.

3.2. Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại đơn trình bày ý kiến nguyên đơn ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T do ông Phạm Thái B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất là vợ chồng ông Đặng Vũ K, bà Nguyễn Thị Mộng Thu n chuyển nhượng từ bà Hồ Thị S và các con của bà S. Ông K, bà T đã được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 36.736m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00452/iG thuộc thửa 571, tờ bản đồ số 5 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/9/2006 (thực tế đo đạc diện tích 35.892m²), đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi nhận chuyển nhượng ông K, bà T chỉ canh tác được 01 vụ lúa, từ tháng 12/2010 thì vợ chồng bà T1, ông Đ vào bao chiếm và canh tác cho đến nay nên xảy ra tranh chấp.

Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông K, bà T và ông Đ, bà T1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm theo bản án số 25/2019/DS-ST ngày 03/5/2019 qua đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà T buộc vợ chồng ông Đ, bà T1 phải giao trả lại cho vợ chồng ông K, bà T diện tích 35.892m². Phía bị đơn kháng cáo, sau đó Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 288/2020/QĐ-PT ngày 10/8/2020 đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự. Sau khi có Quyết định đình chỉ thì ông K, bà T đã yêu cầu thi hành án để thi hành bản án.

Nay ông Đặng Vũ K, bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (huê lợi) diện tích 35.892m² mà ông Đ và bà T1 chiếm giữ canh tác từ đầu năm 2011 đến năm 2020 là 10 năm với số tiền là 1.076.760.000 đồng (3.000.000 đồng/1.000m²/01 năm x 35.892m² x 10 năm). Hiện nay, phần đất ông Đ, bà T1 vẫn còn bao chiếm, do đó ông K, bà T sẽ tiếp tục yêu cầu bồi thường phát sinh sau.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị T1, ông Hồ Văn Đ và đại diện theo pháp luật của ông Đ - ông Trần Ngọc P trình bày:

Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông Đ, bà T1 nhận chuyển nhượng từ ông Lê Tấn P1 vào năm 1991, hai bên có làm giấy tay và vợ chồng ông Đ, bà T1 đã canh tác từ năm 1991 cho đến nay, đất chưa làm thủ tục sang tên đất. Trong quá trình canh tác đất thì phần đất này lại phát sinh tranh chấp giữa vợ chồng ông Đ, bà T1 với vợ chồng K, T. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử, ông bà đã kháng cáo nhưng đã bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm, ông bà khiếu nại quyết định đình chỉ phúc thẩm. Ngày 24/8/2022, tại Quyết định Giám đốc thẩm số 216/2022/DS-GĐT ngày 24/8/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K, bà T buộc vợ chồng ông Đ, bà T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (huê lợi) với diện tích 35.892m² bị ông Đ và bà T1 chiếm giữ canh tác từ đầu năm 2011 đến năm 2020 là 10 năm với số tiền là 1.076.760.000 đồng. Vì phần đất này vợ chồng ông Đ, bà T1 đã mua từ năm 1991 và sử dụng cho đến nay. Ngoài ra đến thời điểm này chưa có quyết định nào buộc ông Đ, bà T1 giao đất do đó ông Đ, bà T1 không có vi phạm việc bao chiếm đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 94, 95, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T.

2. Buộc ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 bồi thường thiệt hại về tài sản (huê lợi) cho ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T với số tiền là 107.676.000đ (một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/11/2023, nguyên đơn ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định thời điểm bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về huê lợi của diện tích 35.892m² cho nguyên đơn vào đầu năm 2011 đến năm 2020.

Ngày 04/12/2023, ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn do ông Trần Ngọc P đại diện trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 25/3/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thái B trình bày: yêu cầu xác định đúng thời điểm bồi thường thiệt hại về huê lợi cho nguyên đơn với lý do, vào năm 2006 ông K và bà Thu nhận chuyển nhượng diện tích 35.892 m² đất của bà S và các con hoàn toàn ngay tình, đúng quy định của pháp luật. Năm 2009, ông bà để cho Công an xã canh tác, năm 2010 nguyên đơn lấy lại đất cho ông Nguyễn Văn L thuê, đến năm 2011 bà T1 bao chiếm và canh tác đất này cho đến nay, sự việc được chứng minh qua biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của Ủy ban nhân dân xã V và Quyết định số 2094/QĐ-KPHQ ngày 21/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị đơn bà Đoàn Thị T1 và đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn Đ - ông Trần Ngọc P có ý kiến trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn nhận chuyển nhượng từ ông Lê Tấn P1 vào năm 1991, hai bên có làm giấy tay và vợ chồng ông Đ, bà T1 đã canh tác từ năm 1991 cho đến nay; khi Bản án sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang có Thông báo cưỡng chế thi hành án nhưng vẫn chưa thực hiện được; ngoài chưa có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền buộc bà T1, ông Đ giao đất cho cho ông K, bà T nên chưa có căn cứ để buộc bị đơn bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, trong giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tổng đạt các văn bản cho bà T1, gây thiệt hại về quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1, chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; buộc ông Hồ Văn Đ và

bà Đoàn Thị T1 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm cho ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T với số tiền là 1.076.760.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Buộc ông Đ và bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp của vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” là chưa chính xác. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Đặng Vũ K, bà Nguyễn Thị Mộng T; bị đơn ông Hồ Văn Đ và Đoàn Thị T1 làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự:

[3.1] Căn cứ phát sinh thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định, nguồn gốc diện tích đất 35.892m² thuộc thửa đất số 571, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, An Giang trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Lê Tấn P1 và bà Hồ Thị S. Nguyên đơn trình bày đã nhận chuyển nhượng từ bà S và các con vào năm 2006, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bị đơn trình bày, đã nhận chuyển nhượng từ ông Lê Tấn P1 vào năm 1991 và đã canh tác từ năm 1991 đến nay nên đã phát sinh tranh chấp đối với diện tích đất trên kéo dài từ cuối năm 2010 đến nay. Tuy nhiên tại Bản án sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định diện tích 35.892m² thửa đất số 571, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, An Giang thuộc quyền sử dụng của ông K và bà T. Tuy bản án sơ thẩm có kháng cáo và kháng nghị giám đốc thẩm, nhưng quyết định phúc thẩm và giám đốc đều xác định Bản án sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật. Việc bị đơn cho rằng đang thực hiện khiếu nại theo thủ tục tái thẩm và cho rằng chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao đất cho ông K, bà T nên không đồng ý việc chiếm giữ đất trái pháp luật và không đồng ý giao đất cũng như không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào bản án sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định diện tích 35.892m² thửa đất số 571, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện C, An Giang thuộc quyền sử dụng của ông K và bà T, việc ông Đ và bà T1 chiếm dụng không có căn cứ pháp luật, có lỗi, gây thiệt hại cho nguyên đơn nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Xác định thời gian phát sinh thiệt hại:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 đều xác nhận ông bà sử dụng, canh tác diện tích đất trên từ năm 1991 kéo dài đến nay, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006 nhưng không canh tác, sử dụng đất được do đất đang bị bị đơn chiếm dụng; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định thời điểm xảy ra thiệt hại từ đầu năm 2011 đến năm 2020 là có cơ sở, có lợi cho bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định thời điểm thiệt hại xảy ra từ tháng 5 năm 2019 là thời điểm bản án sơ thẩm được xét xử (ngày 31/5/2019) là không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, xác định thời gian xảy ra thiệt hại và tính thời gian buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là từ đầu năm 2011 đến năm 2020 (10 năm).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại mức bồi thường thiệt hại: Tại biên bản xác minh cùng ngày 06/9/2023 đối với các ông bà Nguyễn Thị H, Trần Quang T2, Huỳnh Văn T3 có canh tác đất ở địa phương giai đoạn từ năm 2011 đến 2021, giá đất nông nghiệp cho thuê có giá dao động từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/năm/1 công tằm cắt (tương đương 1.296 m²); tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác nhận mức cho thuê đất nông nghiệp tại địa phương từ năm 2011 đến nay dao động từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1000 m²/năm tùy vị trí đất và xác nhận từ năm 2011 địa phương đã bắt đầu canh tác 3 vụ lúa/năm. Nguyên đơn có yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng/1 năm/1.000m² là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định số tiền thiệt hại của nguyên đơn do không được sử dụng đất là: 3.000.000 đồng/1.000 m² x 35.892 m² x 10 năm = 1.076.760.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Đ và bà T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông K và bà T số tiền 1.076.760.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bà T1 cho rằng giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ

án thể hiện, trong giai đoạn sơ thẩm, các văn bản tố tụng được tổng đạt trực tiếp cho ông Hồ Văn H1 – là cha chồng của bà T1, ông Hồ Văn Đ – chồng bà T1 nhận thay và chính bà T1 nhận văn bản tố tụng; ngày 03/02/2021, bà T1 có gửi tài liệu, chứng cứ cho Tòa án (bút lục 50-69), đơn xin thu thập tài liệu, chứng cứ (bút lục 70). Như vậy, việc bà T1 cho rằng cấp sơ thẩm đã không tổng đạt các văn bản tố tụng nên bà không biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi các tài liệu, chứng cứ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà là không chính xác.

[4] Về án phí dân sự:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Do bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 1.076.760.000 đồng nên ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 phải liên đới chịu số tiền 44.302.800 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Vũ K, bà Nguyễn Thị Mộng T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn Đ, bà Đoàn Thị Tuyết Sủa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T. Buộc ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm cho ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T với số tiền là 1.076.760.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí sơ thẩm:

- Ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T được nhận lại số tiền 22.150.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007327 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Văn Đ và bà Đoàn Thị T1 phải liên đới chịu số tiền 44.302.800 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

- Ông Đặng Vũ K và bà Nguyễn Thị Mộng T được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004319 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Hồ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004390 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

- Bà Đoàn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004391 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Ngọc Giao**